

Bản án số: 67/2017/HSPT

Ngày: 21/7/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Đức.

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Luông;

Bà Lưu Thị Mỹ Hương.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Ông Trần Trí Thức - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2017, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa phúc thẩm công khai xét xử vụ án hình sự thụ lý số 95/2017/HSPT ngày 20 tháng 6 năm 2017 đối với bị cáo Trần Văn Q. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2017/HSST ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Họ và tên bị cáo kháng cáo: **Trần Văn Q**, sinh năm 1981, tại tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: Khu phố A, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Lớp 01/12; con ông Trần Văn H, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1953; tiền án: Ngày 25/9/2013, bị Tòa án nhân dân huyện T (nay là thị xã T), tỉnh Bình Dương xử phạt 18 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” (chưa đạt) tại Bản án hình sự sơ thẩm số 134/2013/HSST. Ngày 19/8/2014, chấp hành xong hình phạt tù; tiền sự: Không; bị cáo đầu thú và bị tạm giam từ ngày 03/11/2016 cho đến nay, có mặt.

Trong vụ án còn có bị cáo Huỳnh Tấn Đ, người bị hại Trần Thị H và 02 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do không có kháng cáo và không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo cáo trạng của Viện Kiểm sát và bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã T thì nội dung vụ án như sau:

Huỳnh Tấn Đ và Trần Văn Q có mối quan hệ bạn bè với nhau. Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 05/7/2016, Đ điều khiển xe mô tô biển số 60F1 - 029.94 nhãn hiệu Vision, màu đỏ đen đến Công an phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai để trình diện do Đ mới chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương. Sau đó, Đ điều khiển xe chạy đến nhà Q và chở Q đến quán cà phê YuMi thuộc phường B,

thành phố B, tỉnh Đồng Nai để uống cà phê, nói chuyện với nhau. Trong lúc nói chuyện, Đ rủ Q đi cướp giật dây chuyền vàng của người khác mang đi bán lấy tiền tiêu xài thì Q đồng ý. Tiếp đó, Đ điều khiển xe mô tô biển số 60F1 - 029.94 chở Q chạy sang địa bàn thị xã T, tỉnh Bình Dương để tìm người có đeo dây chuyền để cướp giật.

Đến khoảng 11 giờ 30 cùng ngày, Đ điều khiển xe mô tô biển số 60F1 - 029.94 chở Q theo hướng từ chợ T thuộc phường T về phường T1. Khi đi đến khu vực thuộc khu phố C, phường T1, thị xã T, tỉnh Bình Dương, Đ nhìn bên lề đường thấy bà Trần Thị H, đang bán bún riêu và hủ tiếu trong quán trên cổ bà H có đeo một sợi dây chuyền vàng. Đ dừng xe lại cách vị trí bà H đang đứng khoảng 05m. Đ nói với Q *“bây giờ mình vào ăn hủ tiếu mì và bún riêu rồi tìm cách giật dây chuyền”*, Q đồng ý. Đ để xe mô tô bên ngoài và cùng Q đi vào bên trong quán ngồi ghế cách bà H khoảng 02 mét. Đ kêu hai tô bún riêu với mục đích để bà H nghĩ là khách đến ăn bún riêu sẽ không để ý và chờ cơ hội thích hợp tiếp cận bà H để giật lấy sợi dây chuyền. Sau khi nghe Đ kêu hai tô bún riêu, bà H chuẩn bị các thức ăn để làm hai tô bún riêu cho Đ và Q. Lúc này, Đ đưa cho Q 50.000 đồng và chìa khóa xe rồi kêu Q giả vờ đi mua card điện thoại di động thì Q hiểu ý của Đ là đi ra xe để máy nổ sẵn để khi Đ giật lấy được dây chuyền của bà H thì Đ chạy ra ngoài, Q điều khiển xe chở Đ chạy thoát. Lúc này, bà H đang nấu bún riêu không để ý, Đ đứng dậy đi lại nơi bà H đang đứng lấy điện thoại di động giả vờ gọi điện thoại nhằm mục đích làm cho bà H không nghi ngờ. Khi nhìn thấy Q đi ra ngoài và đã nổ máy xe mô tô biển số 60F1 - 029.94 chờ sẵn, Đ đi lại gần và dùng tay phải giật mạnh sợi dây chuyền vàng của bà H đang đeo trên cổ. Sau đó, cầm lấy sợi dây chuyền vàng nhanh chóng chạy ra chỗ Q đang chờ và cùng Q chạy thoát về hướng phường T1. Trong lúc giật dây chuyền, Đ đã đánh rơi chiếc điện thoại Samsung E1200Y màu trắng xám, mặt sau điện thoại có dán đề can sọc trắng đỏ có dòng chữ “Cocacola” số thuê bao 0169.741.7810 ngay tại vị trí của bà H.

Ngay khi bị giật dây chuyền vàng, bà H có tri hô “cướp” nhưng vẫn không bắt được Đ và Q nên nhặt chiếc điện thoại Samsung E1200Y màu trắng xám mà Đ đã đánh rơi đem đến Công an phường T1 trình báo sự việc.

Quá trình chạy thoát, Đ phát hiện chiếc điện thoại di động Samsung E1200Y màu trắng xám đã bị rơi nên Đ mượn điện thoại của Q liên lạc vào điện thoại số thuê bao 0169.741.7810 của Đ đánh rơi nhằm mục đích để xin chuộc lại điện thoại. Khi gọi điện thoại, Đ gặp được ông Vũ Văn T là Công an phường T1 bắt máy và Đ xin được chuộc lại với số tiền là 200.000 đồng.

Sau đó, Q điều khiển xe chở Đ chạy đến Tiệm cầm đồ S của bà Nguyễn Thị Hồng T để bán sợi dây chuyền vàng vừa chiếm đoạt được. Khi đến tiệm cầm đồ S, Đ vào bán sợi dây chuyền được 4.000.000 đồng, Q đứng ở ngoài chờ Đ. Tuy nhiên, sau khi bán dây chuyền xong, Đ đi ra ngoài nói với Q là chỉ cầm được 2.600.000 đồng, nhằm chiếm đoạt riêng 1.400.000 đồng.

Sau đó, Đ chở Q đến ngã tư B thuộc xã H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai để gặp một người đàn ông làm nghề xe ôm (không rõ nhân thân, lai lịch) để nhờ người này đến phường T1 để chuộc điện thoại giùm Đ nhưng không được. Đ điều khiển xe chở Q đến một quán không rõ tên thuộc xã H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai để uống bia hết 900.000 đồng. Sau khi uống bia xong, Đ điều khiển xe chở Q về nhà của Q. Đ chia cho Q 500.000 đồng, số tiền còn lại Đ cất giữ dùng để tiêu xài cá nhân. Sau đó, do biết hành vi cướp giật của mình bị lộ nên Q và Đ bỏ trốn.

Qua xác minh ban đầu, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T đã xác định Huỳnh Tấn Đ, là người thực hiện hành vi cướp giật tài sản vào ngày 05/7/2016 tại phường T1, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Ngày 19/10/2016, Công an thị xã T đã mời Đ đến làm việc. Qua làm việc, Đ khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt dây chuyền của bà H. Riêng Q bỏ trốn đến ngày 03/11/2016 đến Công an thị xã T đầu thú.

Theo Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 104/KLTS-TTHS ngày 28/10/2016 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân thị xã T xác định: 01 sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 2,170 chỉ và 01 mặt dây chuyền vàng 18K trọng lượng 0,455 chỉ đã qua sử dụng có tổng trị giá là 6.037.500 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2017/HSST ngày 12/5/2017, Tòa án nhân dân thị xã T đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Trần Văn Q phạm tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 1 Điều 136; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g, khoản 1 Điều 48; Điều 53 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Văn Q 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/11/2016.

Ngoài ra, cấp sơ thẩm còn xử phạt bị cáo Huỳnh Tấn Đ 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Hình sự; tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/5/2017, bị cáo Trần Văn Q kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt (đơn kháng cáo trong hạn luật định).

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm giải quyết đối với vụ án: Xác định tội danh, điều luật án sơ thẩm xét xử và áp dụng đối với bị cáo Trần Văn Q là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 03 (ba) năm tù về tội “Cướp giật tài sản” là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, đã có xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Bị cáo Q kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới theo quy định của pháp luật nên không có cơ sở chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo Trần Văn Q không đưa ra được các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới theo quy định pháp luật và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm. Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Văn Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản án hình sự sơ thẩm số 55/2017/HSST ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã T đã tuyên xử. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm cũng như các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định: Ngày 05/7/2016, bị cáo Trần Văn Q và bị cáo Huỳnh Tấn Đ đã có hành vi công khai giật 01 sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 2,170 chỉ và 01 mặt dây chuyền vàng 18K trọng lượng 0,455 chỉ của người bị hại Trần Thị H với tổng trị giá tài sản là 6.037.500 đồng (theo Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 104/KLTS-TTHS ngày 28/10/2016 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân thị xã T) rồi nhanh chóng lên xe mô tô chạy thoát. Theo quy định tại khoản 1 Điều 136 của Bộ luật Hình sự thì “Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ một năm đến năm năm”. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Trần Văn Q phạm tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 1 Điều 136 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Viện Kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Q giữ nguyên bản án sơ thẩm là có cơ sở.

Hành vi bị cáo Q điều khiển xe mô tô chờ sẵn để đồng bọn tiếp cận và bắt nạt giật tài sản của người bị hại là rất nguy hiểm và nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp và có thể đe dọa đến tính mạng, sức khỏe của người bị hại. Bản thân bị cáo đã có 1 tiền án về tội “Cướp giật tài sản” chưa được xóa án lại tiếp tục phạm tội thuộc trường hợp “tái phạm” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự nay lại tiếp tục phạm tội cho thấy bị cáo xem thường pháp luật nên cần phải có mức án thật nghiêm để phòng ngừa tội phạm chung. Tại phiên tòa, bị cáo Q kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới theo quy định pháp luật. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự về việc bị cáo đầu thú làm ảnh hưởng đến phần quyết định hình phạt nên cần rút kinh nghiệm. Tuy nhiên, mức hình phạt 03 năm tù đối với bị cáo là không nặng nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo Q.

Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trần Văn Q phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Trần Văn Q; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2017/HSST ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã T:

Áp dụng khoản 1 Điều 136; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009: Xử phạt bị cáo Trần Văn Q 03 (ba) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 03/11/2016.

2. Về án phí: Buộc bị cáo Trần Văn Q phải nộp 200.000 đồng.

3. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm về xử phạt bị cáo Huỳnh Tấn Đ, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BD; 1
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD; 1
- Trại tạm giam CA tỉnh BD; 1
- TAND TX. T; 2
- VKSND TX. T; 1
- Chi cục THADS TX. T; 1
- Công an TX. T; 1
- Bị cáo; Tổ HCTP; 3
- Sở Tư pháp tỉnh BD; 1
- Lưu HS. 1

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Huỳnh Đức